

Bản án số: 02/2020/HS-ST

Ngày 19-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG KHƯƠNG, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Minh Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sùng Seo Chử

2. Bà Vương Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Muờng Khương, tỉnh Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Muờng Khương, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Thào Văn Khương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020 tại Nhà văn hóa xã Lùng Vai, huyện Muờng Khương, tỉnh Lào Cai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HS, ngày 05 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lù Diu Th, Sinh ngày 11/5/1995, tại Muờng Khương - Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn L, xã V, huyện M, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Mông. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lù Seo B1 (Sinh năm 1965) và bà Thào Thị M1 (Sinh năm 1964); Có vợ là Giàng Thị V và 02 con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/02/2020, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Muờng Khương. Có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Ngọc L, Sinh ngày 15/7/1993, tại Muờng Khương - Lào Cai.

Nơi cư trú: thôn N, xã V, huyện M, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hoàng Xuân B2 (Sinh năm 1965) và bà Lý Thị M2 (Sinh năm 1971, đã chết). Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 21/02/2020, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Muờng Khương. Có mặt tại phiên tòa.

3. Chảo Lầu P. Sinh ngày 05/8/1986, tại Muờng Khương - Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn L, xã V, huyện M, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Triệu Kim B3 (Sinh năm 1963) và bà Vàng Mùi M3 (Sinh năm

1961). Có vợ là Hoàng Mùi V3 và 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 21/02/2020, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mường Khương. Có mặt tại phiên tòa.

4. Ma D, Sinh ngày 01/01/1979, tại Mường Khương, Lào Cai.

Nơi cư trú: thôn L, xã V, huyện M, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Ma B4 (Sinh năm 1950) và bà Thào M4 (Sinh năm 1950). Có vợ là Giàng Thị V4 và 01 con sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 21/02/2020, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mường Khương. Có mặt tại phiên tòa.

5. Ma D1 (Tên gọi khác: Ma G). Sinh ngày 08/3/1994, tại Mường Khương - Lào Cai.

Nơi cư trú: thôn L, xã V, huyện M, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Ma B4 (Sinh năm 1950) và bà Thào M4 (Sinh năm 1950). Có vợ là Thào V5 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 21/02/2020, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mường Khương. Có mặt tại phiên tòa.

6. Ma Nh. Sinh ngày 01/01/1988, tại Mường Khương - Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn L, xã V, huyện M, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Ma B4 (Sinh năm 1950) và bà Thào M4 (Sinh năm 1950). Có vợ là Thào V6 và 04 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 21/02/2020, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mường Khương. Có mặt tại phiên tòa.

7. Ma S. Sinh ngày 05/8/1990, tại Mường Khương - Lào Cai.

Nơi thường trú: P, xã C, huyện M, tỉnh Lào Cai; chỗ ở: thôn L, xã V, huyện M, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Ma B4 (Sinh năm 1950) và bà Thào M4 (Sinh năm 1950). Có vợ là Cư V7 (đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2014 không xác định được địa chỉ), hiện đang chung sống cùng Vàng Thị S2, sinh năm 1996. Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 21/02/2020, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mường Khương. Có mặt tại phiên tòa

- *Người bào chữa cho các bị cáo Lù Diu Th, Ma D*: Bà La Thị Huyền Trang, Trợ giúp viên pháp lý, Công tác tại: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt

- *Người bào chữa cho các bị cáo Ma D1, Ma Nh, Ma S*: Bà Hoàng Thị Diễm Hằng, Trợ giúp viên pháp lý, Công tác tại: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt

- *Người bào chữa cho các bị cáo Hoàng Ngọc L, Chảo Lầu P*: Bà Liệu Thị Nga, Trợ giúp viên pháp lý, Công tác tại: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt

- *Người bị hại*: Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Khương, tỉnh Lào

Cai. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hù Việt D, sinh năm 1986, cán bộ viên chức thuộc Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai (Văn bản ủy quyền ngày 29/11/2019 của ông Lục Thượng Đ - Trưởng ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai). Có mặt tại phiên tòa.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

-Chị Giàng Thị V4, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện M, tỉnh Lào Cai. Có mặt

-Anh Ma C, sinh năm 1998, địa chỉ: thôn L, xã V, huyện M, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt

-Chị Thào V5, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện M, tỉnh Lào Cai. Có mặt

-Chị Hoàng Mùi V3, sinh năm 1995, địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện M, tỉnh Lào Cai. Có mặt

- Anh Ma C1, sinh năm 1986, chị Thào Thị C2, sinh năm 1989, cùng địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện M, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt

-Chị Thào V6, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện M, tỉnh Lào Cai. Có mặt

-Ông Lù Seo B1, sinh năm 1965, địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện M, tỉnh Lào Cai. Có mặt

-Anh Ma C3, sinh năm 1978, và chị Cư C5, sinh năm 1980, cùng địa chỉ: Thôn Th, xã P, huyện M, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

-Ông Hoàng Xuân B2, địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện M, tỉnh Lào Cai. Có mặt

-Chị Vàng Thị S2, sinh năm 1996, địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện M, tỉnh Lào Cai. Có mặt

-Anh Sùng Seo C4, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện M, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt

Người phiên dịch tiếng Mông: Anh Giàng Seo A, địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn M, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2019 các bị cáo đã thực hiện các vụ phá rừng tự nhiên, phòng hộ thuộc thôn L, xã V, huyện M, gây thiệt hại như sau:

- Vụ thứ nhất: Đề có đất canh tác trồng trọt, Ngày 07/9/2019, Ma D gặp hỏi Lù Diu Th trú tại cùng thôn để mua đất nương, Th đã dẫn Ma D lên khu vực rừng vầu (tại lô 7,8 khoảnh 4, tiểu khu 25A rừng tự nhiên phòng hộ thuộc thôn Cốc Lầy, xã Lùng Vai), dùng dao phát xung quanh với diện tích 8.782m² để chỉ ranh giới và nói giá bán là 20.000.000đ. Sau khi thỏa thuận, Th đồng ý bán cho Ma D với giá 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng), Ma D trả trước 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), còn lại 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) để

đến khi Ma D thuê người phát xong, không có tranh chấp và không bị lực lượng Kiểm lâm phát hiện xử lý thì mới trả nốt. Đến ngày 09/9/2019, Ma D thuê 02 đối tượng là phụ nữ phát trắng diện tích rừng nêu trên với giá 2.000.000 đồng.

- Vụ thứ hai: Cuối tháng 10/2019, Ma D1 gặp Hoàng Ngọc L để hỏi mua đất trồng trọt, L nói có một mảnh nương muốn bán và đưa D lên xem mảnh đất rừng thuộc khu rừng tự nhiên phòng hộ (lô 4,10,11,12 khoảnh 4, tiểu khu 25A thuộc thôn L, xã V, huyện M), L chỉ ranh giới phần diện tích của mình quản lý; sau đó L chỉ sang mảnh lân cận nói là của Chảo Lầu P, do cần đất để canh tác nên D gặp P để hỏi mua. Sau đó khoảng ba ngày D gọi điện cho L và P đến nhà mình ăn cơm tối và thỏa thuận giá cả mua bán, trong bữa cơm D có gọi thêm Ma D, Ma Nh, Ma S là anh trai của D đến ăn cùng. Trong bữa cơm, L nói bán mảnh đất rừng (diện tích là 19.101m²) với giá 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), P nói bán mảnh đất rừng (có diện tích 28.230m²) với giá 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng). Do biết diện tích trên đều là đất rừng phòng hộ, sợ bị lực lượng chức năng phát hiện khi phát phá nên D nói sẽ mua nhưng yêu cầu L và P phải thuê người phát, dọn xong mới mua, L yêu cầu trả thêm 10.000.000 đồng, P yêu cầu trả thêm 15.000.000 đồng để thuê người phát, D đồng ý. Do không có việc làm nên sau khi nghe thấy việc thỏa thuận mua bán giữa Ma D1 với Hoàng Ngọc L và Chảo Lầu P, Ma D đề nghị để ba anh em D nhận phát với giá 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), Ma Nh, Ma S đồng ý. Dín yêu cầu đưa trước 5.000.000 (Năm triệu đồng) để đặt cọc, tìm người đến phát và mua dao phát rừng. Sau đó vài ngày, P đã cầm sang nhà đưa cho D 5.000.000đồng, sau đó Ma D1 cùng với Chảo Lầu P và Ma S đi lên khu rừng tự nhiên phòng hộ thôn L, xã V để xem lại diện tích đất rừng đã được L và P phát đánh dấu theo một đường từ trước (L và P đã phát đánh dấu theo một đường rộng khoảng hơn một mét xung quanh cả hai mảnh rừng L và P định bán). Khi xem rừng, P bảo với S là phải phát luôn, Ma S nói: Bây giờ đang là đầu tuần, sợ Kiểm lâm kiểm tra phát hiện nên đợi đến cuối tuần mới phát, có thể phát cả ban đêm; P nói không sợ kiểm lâm đâu, để P và L canh đường, khi nào Kiểm lâm đến thì báo cho mà chạy, sau đó thống nhất sẽ phát vào cuối tuần. Khi quay về, D nói với Ma Nh và Ma S tìm người, Ma Nh đã gọi điện thoại cho anh trai là Ma C1 nói có mảnh rừng tại thôn L, xã V cần thuê người phát với giá 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) phát trong hai ngày cuối tuần, Phù đồng ý. Đến khi chuẩn bị đi phát rừng thì Ma D đi có việc nên đưa lại số tiền năm triệu đồng đã nhận cho S và không tham gia phát. Những người tham gia phát diện tích rừng do L và P thuê có 15 người, gồm: Ma S, Ma Nh, Ma C1, Thào V6, Thào Thị C2, Ma Thị H (sinh năm 2005), Sùng Seo C4; Cư C5, Thào V5 và 06 người khác gồm ba nam và ba nữ (không rõ tên tuổi địa chỉ). Các đối tượng phát từ sáng ngày thứ bảy đến rạng sáng thứ hai thì xong diện tích rừng do L và P thuê. Sau khi phát, Ma S đã nhận đủ tiền thuê phát và chia đều cho những người tham gia, mỗi người được 1.600.000đ, số tiền còn lại 1.300.000đ mọi người thống nhất sử dụng để mua thức ăn trong 02 ngày phát trên rừng và bữa tổng kết cuối tại nhà Ma D. Ma D do không tham gia phát nên không được nhận tiền từ việc thuê phát nêu trên.

*Tại Kết luận định giá tài sản số 12 ngày 10/12/2019 và số 14 ngày 16/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mường Khương, Kết luận: Diện tích rừng vầu bị chặt phá làm thiệt hại cây vầu có đường kính từ 03-12cm, giá trị 12.000đồng/cây.

Cụ thể thiệt hại như sau:

-Diện tích rừng của Lò Diu Th bán cho Ma D là $8.782m^2$, có số lượng 5.664 cây vầu x 12.000 đồng/cây = $67.968.000$ đồng, tính đến ngày 09/9/2019.

- Diện tích rừng của Chảo Lầu P bán cho Ma D1 và thuê người phát là $28.230m^2$, có số lượng 20.212 cây vầu x 12.000 đồng/ cây = $242.544.000$ đồng, tính đến ngày 29/10/2019,

- Diện tích rừng của Hoàng Ngọc L bán cho Ma D1 là $19.101m^2$, có số lượng 14.707 cây vầu x 12.000 đồng/ cây = $176.484.000$ đồng, tính đến ngày 29/10/2019.

Cáo trạng số 06/CT-VKS, ngày 21/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai truy tố Lò Diu Th về tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự; truy tố Hoàng Ngọc L, Chảo Lầu P, Ma D, Ma D1, Ma Nh, Ma S về tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 243 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội “Hủy hoại rừng”. Áp dụng điểm e Khoản 2 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lò Diu Th mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; Áp dụng điểm c Khoản 3 Điều 243, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Hoàng Ngọc L, Chảo Lầu P mức án từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù; Xử phạt các bị cáo Ma D1, Ma Nh, Ma S mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; Áp dụng điểm c Khoản 3 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ma D mức án từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại theo quy định; xử lý vật chứng, án phí, tuyên quyền kháng cáo đối với các bị cáo, người bị hại theo quy định.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn có ý kiến kiến nghị về công tác kiểm tra, kiểm soát, quản lý rừng phòng hộ của lực lượng kiểm lâm, UBND xã; Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, đề nghị các cơ quan có thẩm quyền tăng cường công tác tuyên truyền nhằm đưa pháp luật đến người dân, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng phạm tội diễn ra.

Người bào chữa cho các bị cáo nhất trí với tội danh, điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương đã truy tố đối với các bị cáo. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân của các bị cáo: chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa, trình độ học vấn thấp, nhận thức về pháp luật còn hạn chế; tuy nhiên quá trình sinh sống tại địa phương vẫn chấp hành tốt các chủ trương chính sách pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương, các bị cáo P, S, D, D1, Nh là đối tượng sinh sống tại Làng thanh niên lập nghiệp theo Dự án Làng thanh niên lập

nghiệp biên giới của Tỉnh đoàn Lào Cai với mục tiêu là gắn phát triển kinh tế xã hội với đảm bảo an ninh quốc phòng khu vực biên giới. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Gia đình các bị cáo Chảo Lầu P, Ma D1, Ma Nh, Ma S, Ma D, Lù Diu Th đã bồi thường một phần thiệt hại thay cho các bị cáo. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ban quản lý rừng phòng hộ Mường Khương khẳng định diện tích rừng bị phá đã tái sinh, cây đã cao tầm 4m đến 5 mét tuy chưa khép tán nhưng do đặc tính sinh trưởng của cây, rừng sẽ phục hồi trong khoảng thời gian từ 02 đến 03 năm; Đại diện gia đình các bị cáo đã có ý thức quản lý, trông coi, bảo vệ diện tích rừng đã bị chặt phá, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Ngoài ra các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, sau khi phạm tội đã bị bắt giam giữ, để lại bố mẹ già, vợ và con nhỏ nên cuộc sống rất khó khăn.

Người bào chữa cho các bị cáo Lù Diu Th và Ma D đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lù Diu Th mức án 01 năm 06 tháng tù; Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54, điều 17, 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Ma D mức án 04 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

Người bào chữa cho các bị cáo Hoàng Ngọc L, Chảo Lầu P đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc L mức án 04 năm tù; xử phạt bị cáo Chảo Lầu P mức án 03 năm 06 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo Ma D1, Ma Nh, Ma S đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Ma Nh, Ma D1, Ma S mức án 02 năm 06 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị hại Ban quản lý rừng phòng hộ Mường Khương, ông Hù Việt D có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Ban quản lý rừng theo quy định. Tuy diện tích rừng các bị cáo hủy hoại lớn nhưng chủ yếu là cây vầu, các cây khác có trên đất rừng không bị chặt phá; với đặc tính của cây vầu là dễ mọc và sinh trưởng nhanh, hiện cây vầu đã tái sinh với chiều cao từ 4 đến 5 mét, tuy chưa khép tán nhưng đã có độ che phủ nhất định; thời gian hồi phục chỉ từ 02 đến 03 năm; hiện nay, gia đình các bị cáo tại địa phương đã tích cực trông coi, bảo vệ diện tích rừng bị hủy hoại, mặt khác do các bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức còn chưa đúng nên phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm trở về với gia đình và nhất trí bồi thường theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại không có ý kiến, không có khiếu nại gì về các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận về hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ. Từ đó đủ cơ sở xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2019 các bị cáo đã thực hiện các vụ phá rừng tự nhiên, phòng hộ thuộc thôn L, xã V, huyện M, gây thiệt hại diện tích rừng tự nhiên phòng hộ như sau:

- Vụ thứ nhất: Để có đất canh tác trồng trọt, Ngày 07/9/2019, Lù Diu Th đã bán cho Ma D 01 mảnh rừng thuộc đất rừng phòng hộ có diện tích 8.782m², với giá 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng). Ma D đã trả trước cho Th số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và thuê 02 đối tượng phát trắng diện tích rừng nêu trên với giá 2.000.000 đồng. Hành vi của D và Th đã hủy hoại 5.664 cây vầu x 12.000đồng/cây, gây thiệt hại số tiền 67.968.000 đồng (Theo Kết luận định giá tài sản số 12 ngày 10/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mường Khương).

- Vụ thứ hai: Cuối tháng 10/2019, Ma D1 bàn bạc mua bán với Hoàng Ngọc L 19.101m² đất rừng, với giá 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng); Bàn bạc mua bán với Chảo Lầu P 28.230m² đất rừng, với giá 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng); Cả hai mảnh đất rừng của L và P đều là đất rừng tự nhiên phòng hộ (tại lô 4,10,11,12 khoảnh 4, tiểu khu 25A) thuộc thôn L, xã V, huyện M. Trong đó, L sử dụng 10.000.000 đồng, P sử dụng 15.000.000 đồng để thuê người phát, dọn. Biết việc thỏa thuận mua bán giữa Ma D1 với Hoàng Ngọc L và Chảo Lầu P nên Ma D, Ma Nh, Ma S đã nhận phát cả hai mảnh rừng của L và P với giá 25.000.000 đồng. Sau đó P đã đưa trước 5.000.000 (Năm triệu đồng) cho D để đặt cọc. Biết khu vực này là rừng phòng hộ nên Ma D, Ma Nh và Ma S tìm người đến phát trong hai ngày cuối tuần để tránh sự phát hiện của cơ quan có thẩm quyền. Đến ngày hẹn đi phát rừng thì Ma D có việc nên không tham gia phát. Cùng tham gia vào việc phát rừng có 15 người, bao gồm: Ma S, Ma Nh, Ma C1, Thào V6, Thào Thị C2, Ma Thị H, Sùng Seo C4, Cừ C5, Thào V5 và 06 người khác gồm ba nam và ba nữ (không xác định được tên tuổi địa chỉ). Diện tích rừng bị hủy hoại là 47.331m²; gây thiệt hại 34.919 cây vầu tính thành tiền là 419.028.000 đồng (theo Kết luận số 14 ngày 16/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mường Khương).

Như vậy, với việc hủy hoại 8.782m² đất rừng phòng hộ, hành vi của Lù Diu Th và Ma D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 243 của Bộ luật hình sự “*Rừng phòng hộ có diện tích từ 7.000 mét vuông (m²) đến dưới 10.000 mét vuông (m²)*”; Với việc hủy hoại 47.331m² đất rừng phòng hộ, hành vi của các bị cáo Hoàng Ngọc L, Chảo Lầu P, Ma D1, Ma D, Ma Nh, Ma S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Hủy hoại rừng” theo quy định điểm c khoản 3 Điều 243 của Bộ luật hình sự “*Rừng phòng hộ có diện tích 10.000 mét vuông (m²) trở lên*”.

Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra: Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, hiểu biết pháp luật nhưng chỉ vì mục đích cá nhân, các bị cáo đã thực hiện hành vi cố ý chặt, phá rừng phòng hộ trái phép; vi phạm các quy định của nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm phạm đến quan hệ xã hội về bảo vệ rừng của Nhà nước được pháp luật hình sự bảo vệ, gây thiệt hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử lý nghiêm minh đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Các Bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chặt phá rừng phòng hộ là vi phạm pháp luật. Nhưng do nhận thức pháp luật còn hạn chế, các bị cáo Th, L, P đã thực hiện hành vi bán và thuê chặt phá rừng phòng hộ; Các bị cáo Ma D, Ma D1 đã mua đất rừng phòng hộ mục đích phá rừng để lấy đất canh tác; Ma D, Ma Nh, Ma S biết là rừng phòng hộ nhưng vì không có việc làm, thấy tiền thuê phát cao nên đã trực tiếp chặt phá rừng, làm chết hàng loạt cây vầu với diện tích lớn, gây thiệt hại đến môi trường sinh thái, làm thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. Vì toàn bộ diện tích rừng các bị cáo hủy hoại đã được Nhà nước giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Khương quản lý, chăm sóc, bảo vệ, có nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước.

Trong vụ án này, các bị cáo cùng cố ý thực hiện hành vi phạm tội, hình thức đồng phạm giản đơn, có sự bàn bạc thực hiện, nhưng không chặt chẽ. Cụ thể vai trò của các bị cáo như sau:

Vụ thứ nhất: Lù Diu Th đồng phạm với Ma D trong việc hủy hoại 8.782m², có số lượng 5.664 cây vầu, giá trị 12.000đ/1cây = 67.968.000đ.

Trong lần phạm tội này, Th với D có vai trò ngang nhau khi thực hiện hành vi: Th với mục đích cần tiền để chi tiêu cá nhân, mặt khác năm 2016 Th đã phát diện tích rừng này để trồng ngô, nên khi D hỏi mua Th đã bán diện tích rừng phòng hộ cho Ma D; D vì cần đất để trồng sản xuất, mặc dù biết là rừng phòng hộ nhưng vẫn mua và thuê người phát, trực tiếp gây ra thiệt hại. Do đó cả hai bị cáo có mức hình phạt tương đương nhau và cùng phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho Nhà nước.

Vụ thứ 2: Ma D, Hoàng Ngọc L, Ma D1, Ma Nh, Ma S đồng phạm trong việc hủy hoại diện tích 19.101m² rừng phòng hộ, hủy hoại 14.707 cây vầu có giá trị 12.000đồng/ cây, gây thiệt hại số tiền là 176.484.000 đồng. Trong đó, Hoàng Ngọc L và Ma D1 giữ vai trò khởi sự trong việc mua bán rừng phòng hộ, thuê người phát, nên phải chịu trách nhiệm chính.

Ma D, Chảo Lầu P, Ma D1, Ma Nh, Ma S đồng phạm trong việc hủy hoại diện tích 28.230m² rừng phòng hộ, hủy hoại 20.212 cây vầu x 12.000đồng/ cây gây thiệt hại số tiền 242.544.000 đồng. Trong đó, Chảo Lầu P, Ma D1 giữ vai trò khởi sướng trong việc mua bán rừng phòng hộ, thuê người phát.

Ma D, Ma Nh, Ma S là đồng phạm cùng thực hiện việc hủy hoại cả hai diện tích rừng Hoàng Ngọc L và Chảo Lầu P, trong đó Ma Nh, Ma S giữ vai trò người thực hành tích cực (tìm người phát và trực tiếp tham gia); Ma D là người nhận phát thuê cho cả ba người D, S, Nh; nhận tiền đặt cọc nhưng không tham gia phát và không được trả tiền giữ vai trò thứ ba trong lần phạm tội này.

Tuy nhiên do Ma D tham gia cả hai lần phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự “*Phạm tội từ hai lần trở lên*”. Do đó khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử đánh giá và căn xử lý nghiêm khắc đối với hành vi của Ma D, quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo đã gây ra.

Trong vụ án này, còn có Ma C1, Thào V5, Thào V6, Thào Thị C2, Ma Thị H, Sùng Seo C4, Cù C5 là người đã được các bị cáo thuê, cùng tham gia thực hiện hành vi phát rừng với các bị cáo. Song những người này đều không biết diện tích rừng được thuê phát là rừng phòng hộ, đã nộp lại số tiền thu được, cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Ngoài ra còn có 02 người phụ nữ do D thuê phát rừng và 06 người gồm ba nam và ba nữ (không rõ tên tuổi địa chỉ), quá trình điều tra chưa làm rõ được nên không có căn cứ để xử lý trong vụ án này.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Tình tiết tăng nặng:* Bị cáo Ma D có 01 tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự “*Phạm tội từ 02 lần trở lên*”.

Các Bị cáo còn lại không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- *Tình tiết giảm nhẹ:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Khương xác nhận phần lớn diện tích rừng các bị cáo hủy hoại đã được tái sinh, chiều cao bình quân khoảng 4 đến 5 mét, cây chưa khép tán nhưng đã có độ che phủ nhất định do đặc tính sinh trưởng nhanh của cây vầu. Mặt khác, các hộ gia đình là bố mẹ, vợ của các bị cáo đã cam kết thực hiện việc trông coi, bảo vệ cả ba mảnh rừng bị các bị cáo hủy hoại, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Quá trình điều tra, các bị cáo đã tác động gia đình, bồi thường một phần thiệt hại cho Nhà nước, cụ thể: ngày 18/3/2020, Thào V6 bồi thường thay cho Ma Nh 2.844.000 đồng; Thào V5 đã bồi thường thay cho Ma D1 2.844.000 đồng; Giàng Thị V4 đã bồi thường thay cho Ma D 4.161.000 đồng; Hoàng Mùi V3 đã bồi thường thay cho Chảo Lầu P 1.694.000đồng; Ma C đã bồi thường thay cho Lù Diu Th 1.320.000 đồng; Vàng Thị S2 đã bồi thường thay cho Ma S 2.844.000 đồng. *Tổng cộng là 15.707.000 đồng*, hiện đang tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.9047313 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Khương. Tại phiên tòa, các bị cáo và người nhà bị cáo đều xác nhận việc gia đình các bị cáo bồi thường là do các bị cáo tác động gia

đình, ngoài ra việc gia đình các bị cáo thực hiện trông nom, quản lý bảo vệ diện tích rừng bị các bị cáo chặt phá, để diện tích rừng nhanh chóng hồi phục, đây có thể xác định là việc các bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện khắc phục hậu quả. Do đó, Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự “*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*”.

Về nhân thân: Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng cao có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế. Các bị cáo đều đang sinh sống tại khu vực Làng thanh niên lập nghiệp biên giới Lũng Vai (theo Dự án của tỉnh đoàn Lào Cai), trong đó Chảo Lầu P, Ma D1, Ma Nh, Ma D là đối tượng được tuyển vào sống tại làng, còn Ma S là đối tượng đang sinh sống ở khu vực dự án (Theo công văn số 324-CV/TĐTN ngày 26/3/2020 của tỉnh đoàn Lào Cai). Các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, đối với Ma D1, Ma D, Ma Nh, Ma S là bốn anh em ruột trong gia đình, hiện còn bố mẹ tuổi cao, con còn nhỏ. Việc các bị cáo phạm tội là do hiểu biết pháp luật còn hạn chế, mặt khác, diện tích rừng các bị cáo L, P bán cho Ma D1 là rừng trước đây gia đình các bị cáo đã từng canh tác, nhưng chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đó gia đình các bị cáo đã bỏ hoang do trồng cây không năng suất; năm 2016, các bị cáo đã từng phát để trồng ngô nhưng không bị phát hiện và xử lý. Do đó việc phạm tội của các bị cáo do nhận thức chưa đúng; động cơ phạm tội của các bị cáo Ma D1, Ma D là phá rừng để làm nương, lấy đất sản xuất, mục đích để phát triển kinh tế cho gia đình; Quá trình sinh sống tại địa phương luôn chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, nhà nước.

Các bị cáo đều có người thân trong gia đình là người có đóng góp công sức cho cách mạng: Hoàng Ngọc L có bố là Hoàng Xuân B2 được hưởng trợ cấp một lần do có tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, ông nội Hoàng Văn T được Công an tỉnh Hoàng Liên Sơn tặng Bằng khen, có huân chương kháng chiến hạng nhì; bố nuôi là chú ruột (ông Hoàng Văn L1) được tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp an ninh biên giới và kỷ niệm chương vì sự nghiệp phát triển dân tộc. Ma D1, Ma Nh, Ma S, Ma D có bố đẻ là Ma B4 có xác nhận của UBND xã Cao Sơn về việc tham gia Công an nhân dân; Chảo Lầu P có bố đẻ là Triệu Kim B3 được hưởng trợ cấp một lần do có tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Do đó Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự (có 2 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, có tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51). Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo trong khung hình phạt liền kề để thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước.

[4]Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo là lao động tự do, không có tài sản, thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[5] *Xét quan điểm của kiểm sát viên và quan điểm bào chữa của người bào chữa:* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đánh giá về nhân thân của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định hình phạt với các mức án đưa ra là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đối với mức án do những người bào chữa cho các bị cáo đưa ra tại phiên tòa là thấp, chưa tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, không thể hiện được tính rắn đê, giáo dục tội phạm do đó không được chấp nhận.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:*

Tại phiên tòa, ông Hồ Việt D, người đại diện theo ủy quyền của người bị hại yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra thiệt hại về tài sản của Nhà nước, do đó cần buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 585, 587 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, diện tích rừng đã được giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Khương nên các bị cáo bồi thường cho Nhà nước thông qua đại diện là Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Khương, Cụ thể như sau:

Bị cáo Lù Diu Th và bị cáo Ma D phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Nhà nước diện tích bị hủy hoại $8.782m^2$, với số tiền 67.968.000đ. Do xác định thiệt hại do các bị cáo cùng gây ra nên cần buộc mỗi bị cáo bồi thường một nửa, cụ thể: Bị cáo Th và D mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Nhà nước số tiền 33.984.000đ (Ba mươi ba triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Bị cáo Hoàng Ngọc L, Ma D1, Ma D, Ma Nh, Ma S phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Nhà nước số tiền 176.484.000 đồng. Chia phần cụ thể, mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 35.296.800đ (Ba mươi lăm triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

Bị cáo Chảo Lầu P, Ma D1, Ma D, Ma Nh, Ma S phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Nhà nước số tiền 242.544.000 đồng. Chia phần cụ thể, mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 48.508.800đ (Bốn mươi tám triệu năm trăm linh tám nghìn tám trăm đồng).

Như vậy, số tiền các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cụ thể là:

-Lù Diu Th: 33.984.000 đồng, gia đình đã bồi thường thay cho Th số tiền 1.320.000đ, bị cáo Th còn phải bồi thường số tiền 32.664.000 đồng (Ba mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

-Ma D phải có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền là: 117.789.600 đồng, gia đình đã bồi thường thay cho D số tiền 4.161.000đ, D còn phải bồi thường số tiền 113.628.600 đồng (Một trăm mười ba triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm đồng).

-Ma D1: phải có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền: 83.805.600 đồng, xác nhận gia đình đã bồi thường thay cho D số tiền 2.844.000 đồng, D còn phải bồi thường số tiền 80.805.600 đồng (Tám mươi triệu tám trăm lẻ năm nghìn sáu trăm đồng).

-Ma Nh phải có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền: 83.805.600 đồng, xác nhận gia đình đã bồi thường thay cho Nhà số tiền 2.844.000 đồng, Nhà còn phải bồi thường số tiền 80.805.600 đồng (Tám mươi triệu tám trăm lẻ năm nghìn sáu trăm đồng).

-Ma S phải có trách nhiệm bồi thường số tiền: 83.805.600 đồng, xác nhận gia đình đã bồi thường thay cho S số tiền 2.844.000 đồng, S còn phải bồi thường số tiền 80.805.600 đồng (Tám mươi triệu tám trăm lẻ năm nghìn sáu trăm đồng).

-Hoàng Ngọc L phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 35.296.800 đồng (Ba mươi năm triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

-Chảo Lầu P phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 48.508.800 đồng. Xác nhận gia đình đã bồi thường thay cho P số tiền 1.694.000 đồng, P còn phải bồi thường số tiền 46.814.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu tám trăm mười bốn nghìn đồng).

[7]Về vật chứng:

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra tạm giữ của bị cáo và các đối tượng có liên quan tổng số tiền tổng cộng là 57.900.000 đồng (Năm mươi bảy triệu chín trăm nghìn đồng) đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Khương chuyển đến tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Khương số 3949.0.1052726 tại Kho bạc Nhà Nước huyện Mường Khương để quản lý. Cụ thể: tạm giữ của Lù Diu Th số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); Hoàng Ngọc L 5.000.000đ (năm triệu đồng); Ma Nh 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng); Ma S 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); Chảo Lầu P 45.000.000đ (bốn mươi năm triệu đồng); Tạm giữ của Ma C1 500.000đ; Ma Thị H 300.000 đồng; Ma C3 400.000 đồng; Hoàng Xuân B2: 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện những người liên quan Ma C1, Ma C3, Ma Thị H đã xác nhận tiền này có được do thực hiện nhận thuê phát rừng được các bị cáo trả công còn lại, do đó cần tịch thu để nộp Ngân sách nhà nước là phù hợp. Đối với số tiền thu giữ của các bị cáo, tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận đây là tiền của các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với các vật chứng khác: Thu giữ của Ma D 01 dao phát bị gãy mất phần cán, phần lưỡi kim loại có bản rộng nhất là 6.5cm, dài 40cm; 01 dao cán gỗ dài 93cm, lưỡi dao kim loại có bản rộng nhất là 6.5cm, dài 40cm; 01 (một) tờ giấy kẻ ô ly có nội dung viết tay “Giấy chuyển nhượng đất” giữa Ma D và Lù Sênh; Thu giữ của Ma D1: 01 (một) tờ giấy đôi kẻ ô ly Hồng Hà, có nội dung viết tay “Biên bản giả tiền nương” giữa Ma D1 và Hoàng Ngọc L đề ngày 07/11/2019; 01 (một) tờ giấy đôi kẻ ô ly Hồng Hà, trang đầu và trang thứ hai chứa nội dung viết tay “Biên bản trả tiền nương” giữa Ma D1 và Chảo Lầu P đề ngày 07/11/2019; trang 3 có nội dung viết tay “Giấy chuyển nhượng nương” giữa Ma D1 và Chảo Lầu P đề ngày 17/11/2019; Thu giữ của Ma Nh: 01 (một) dao phát có phần lưỡi kim loại dài 40cm bản rộng 5cm, cán gỗ dài 70cm đường kính 3cm; 01 (một) dao phát có phần lưỡi kim loại dài 40cm bản rộng là 5cm, cán gỗ tròn dài 80cm đường kính 3cm; 01 (một) đèn pin, loại đội đầu màu đen, nút công tắc tròn màu đen, dây đội đầu màu xám có dòng chữ màu đen “Classics Green”; Thu giữ của Ma S: 01 (một) đèn pin,

loại đội đầu màu tím, nút công tắc màu xanh, dây đội đầu màu xám có dòng chữ màu đen “Classics Green”; Tạm giữ của Ma C1 01 (một) dao phát có phần lưỡi kim loại dài 37cm, bản rộng 5cm, cán gỗ dài 78cm; 01 (một) dao phát có phần lưỡi dao kim loại dài 38,5cm, cán gỗ dài 75cm; Ma Thị H: 01 (một) dao phát, cán gỗ tròn đường kính 2,9cm dài 39,5cm, phần lưỡi kim loại dài 39cm, bản rộng nhất của lưỡi là 4,6cm; 01 (một) đèn pin, loại đội đầu màu tím, nút công tắc màu đỏ, dây đội đầu màu đen có chữ “HUAERBEI” ; Sùng Seo C4: 01 (một) dao phát, cán gỗ dài 74,5cm, phần lưỡi kim loại dài 35,6cm, bản rộng nhất của lưỡi là 5,7cm; Cư C5: 01 (một) dao phát, cán gỗ dài 69cm đường kính 2,5cm, phần lưỡi kim loại dài 39cm, bản rộng nhất của lưỡi là 6,5cm; 01 (một) đèn pin chiếu sáng, loại đội đầu màu vàng, nút công tắc màu cam, dây đội đầu màu đen; Ma S2: 01 (một) dao phát, cán gỗ dài 72cm đường kính 4cm, phần lưỡi kim loại dài 39cm, bản rộng nhất của lưỡi là 6,5cm; 01 (một) đèn pin chiếu sáng, loại đội đầu màu xám, nút công tắc màu cam, dây đội đầu màu xám. Xét thấy đây là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a,c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật hình sự.

* Đối với vật chứng là các cây vầu bị chặt phá trong rừng tự nhiên phòng hộ tại thôn L, xã V, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai đã bàn giao cho UBND xã V, huyện Mường Khương, Lào Cai trông coi, bảo quản. Xét thấy các cây vầu sau khi bị chặt phá khỏi rừng, do điều kiện ở xa không bảo quản được nên đã bị hư hỏng không còn giá trị sử dụng nên cần tiêu hủy theo quy định tại khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8]Xét thấy việc các bị cáo phạm tội do nhận thức pháp luật còn hạn chế, tuy nhiên cũng có một phần trách nhiệm của các cơ quan có trách nhiệm trong việc bảo vệ rừng, tuyên truyền pháp luật về công tác bảo vệ và phát triển rừng. Do đó qua việc giải quyết xét xử vụ án này, Tòa án nhân dân huyện kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền cần tăng cường công tác tuần tra, bảo vệ rừng, có kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng phù hợp. Đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật đến nhân dân, nâng cao nhận thức của nhân dân về tầm quan trọng của công tác bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ở địa phương.

[9]Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm e khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 243 của Bộ luật Hình sự:

1.1. Tuyên bố các bị cáo Lù Diu Th, Hoàng Ngọc L, Chảo Lầu P, Ma D, Ma D1, Ma Nh, Ma S phạm tội “Hủy hoại rừng”.

1.2. Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Khoản 1 Điều 54; Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự, Xử phạt bị cáo Lù Diu Th 02 (Hai) năm. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 21/02/2020

1.3. Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Khoản 1 Điều 54, Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự, Xử phạt bị cáo

Hoàng Ngọc L 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt từ ngày bắt tạm giam 21/02/2020.

1.4. Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Khoản 1 Điều 54, Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự, Xử phạt bị cáo Chảo Lầu P 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt từ ngày bắt tạm giam 21/02/2020.

1.5. Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 54, Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự, Xử phạt bị cáo Ma D 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt từ ngày bắt tạm giam 21/02/2020.

1.6. Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Khoản 1 Điều 54, Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự, Xử phạt bị cáo Ma D1 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt từ ngày bắt tạm giam 21/02/2020.

1.7. Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Khoản 1 Điều 54, Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự, Xử phạt bị cáo Ma S 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt từ ngày bắt tạm giam 21/02/2020.

1.8. Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54, Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự, Xử phạt bị cáo Ma Nh 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt từ ngày bắt tạm giam 21/02/2020.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1. Tịch thu tiêu hủy:

-Toàn bộ các cây vầu bị chặt phá trong rừng tự nhiên phòng hộ hiện đang được UBND xã V, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai trông coi, bảo quản.

-Các vật chứng khác hiện do cơ quan thi hành án dân sự huyện Mường Khương quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2020 giữa Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương và cơ quan thi hành án dân sự huyện Mường Khương, bao gồm:

+01 dao phát bị gãy mất phần cán, phần lưỡi kim loại có bản rộng nhất là 6.5cm, dài 40cm; 01 dao cán gỗ dài 93cm, lưỡi dao kim loại có bản rộng nhất là 6.5cm, dài 40cm; 01 (một) tờ giấy kẻ ô ly có nội dung viết tay “Giấy chuyển nhượng đất” giữa Ma D và Lù Sính thu giữ của Ma Dín.

+01 (một) tờ giấy đôi kẻ ô ly Hồng Hà, có nội dung viết tay “Biên bản giả tiền nương” giữa Ma D1 và Hoàng Ngọc L đề ngày 07/11/2019; 01 (một) tờ giấy đôi kẻ ô ly Hồng Hà, trang đầu và trang thứ hai chứa nội dung viết tay “Biên bản trả tiền nương” giữa Ma D1 và Chảo Lầu P đề ngày 07/11/2019; trang 3 có nội dung viết tay “Giấy chuyển nhượng nương” giữa Ma D1 và Chảo Lầu P đề ngày 17/11/2019 thu giữ của Ma D1.

+01 (một) dao phát có phần lưỡi kim loại dài 40cm bản rộng 5cm, cán gỗ dài 70cm đường kính 3cm; 01 (một) dao phát có phần lưỡi kim loại dài 40cm bản rộng là 5cm, cán gỗ tròn dài 80cm đường kính 3cm; 01 (một) đèn pin, loại đội

đầu màu đen, nút công tắc tròn màu đen, dây đội đầu màu xám có dòng chữ màu đen “Classics Green” thu giữ của Ma Nh .

+01 (một) đèn pin, loại đội đầu màu tím, nút công tắc màu xanh, dây đội đầu màu xám có dòng chữ màu đen “Classics Green” thu giữ của Ma S.

+01 (một) dao phát có phần lưỡi kim loại dài 37cm, bản rộng 5cm, cán gỗ dài 78cm; 01 (một) dao phát có phần lưỡi dao kim loại dài 38,5cm, cán gỗ dài 75cm thu giữ của Ma C1;

+01 (một) dao phát, cán gỗ tròn đường kính 2,9cm dài 39,5cm, phần lưỡi kim loại dài 39cm, bản rộng nhất của lưỡi là 4,6cm; 01 (một) đèn pin, loại đội đầu màu tím, nút công tắc màu đỏ, dây đội đầu màu đen có chữ “HUAERBEI” thu giữ của Ma Thị H;

+01 (một) dao phát, cán gỗ dài 74,5cm, phần lưỡi kim loại dài 35,6cm, bản rộng nhất của lưỡi là 5,7cm thu giữ của Sùng Seo C5.

+01 (một) dao phát, cán gỗ dài 69cm đường kính 2,5cm, phần lưỡi kim loại dài 39cm, bản rộng nhất của lưỡi là 6,5cm; 01 (một) đèn pin chiếu sáng, loại đội đầu màu vàng, nút công tắc màu cam, dây đội đầu màu đen thu giữ của Cư C6.

+01 (một) dao phát, cán gỗ dài 72cm đường kính 4cm, phần lưỡi kim loại dài 39cm, bản rộng nhất của lưỡi là 6,5cm; 01 (một) đèn pin chiếu sáng, loại đội đầu màu xám, nút công tắc màu cam, dây đội đầu màu xám thu giữ của Ma S2.

2.2.Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 57.900.000 đồng (Năm mươi bảy triệu chín trăm nghìn đồng), thu giữ của các bị cáo Hoàng Ngọc L, Chảo Lầu P, Lù Diu Th, Ma Nh và những người có liên quan: Ma C1, Ma Thị H, Hoàng Xuân B2, Ma C3. Số tiền này đã được chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 584, 585, 586, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc các bị cáo Lù Diu Th và bị cáo Ma D phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Nhà nước số tiền 67.968.000đ (Sáu mươi bảy triệu chín trăm sáu tám nghìn đồng). Chia phần cụ thể: Bị cáo Th và D mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Nhà nước số tiền 33.984.000đ (Ba mươi ba triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Buộc các bị cáo Hoàng Ngọc L, Ma D1, Ma D, Ma Nh, Ma S phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Nhà nước số tiền 176.484.000 đồng (Một trăm bảy sáu triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng). Chia phần cụ thể, mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 35.296.800đ (Ba mươi lăm triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

Buộc các bị cáo Chảo Lầu P, Ma D1, Ma D, Ma Nh, Ma S phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Nhà nước số tiền 242.544.000 đồng (Hai trăm bốn hai triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). Chia phần cụ thể, mỗi bị cáo phải

có trách nhiệm bồi thường số tiền 48.508.800đ (Bốn mươi tám triệu năm trăm linh tám nghìn tám trăm đồng).

Đối trừ với phần nghĩa vụ gia đình các bị cáo đã bồi thường thay cho các bị cáo; Số tiền thiệt hại các bị cáo còn phải có trách nhiệm bồi thường cho Nhà nước, thông qua Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

-Lù Diu Th: còn phải bồi thường số tiền 32.664.000 đồng (Ba mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

-Ma D còn phải bồi thường số tiền 113.628.600 đồng (Một trăm mười ba triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm đồng).

-Ma D1 còn phải bồi thường số tiền 80.805.600 đồng (Tám mươi triệu tám trăm lẻ năm nghìn sáu trăm đồng).

-Ma Nh còn phải bồi thường số tiền 80.805.600 đồng (Tám mươi triệu tám trăm lẻ năm nghìn sáu trăm đồng).

-Ma S còn phải bồi thường số tiền 80.805.600 đồng (Tám mươi triệu tám trăm lẻ năm nghìn sáu trăm đồng).

-Hoàng Ngọc L phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 35.296.800 đồng (Ba mươi năm triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

-Chảo Lầu P còn phải bồi thường số tiền 46.814.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu tám trăm mười bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền bồi thường cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a,c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Bị cáo Lù Diu Th phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.633.200 đồng (Một triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn hai trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng 1.833.200 đồng (Một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn hai trăm đồng).

Các bị cáo Ma D1, Ma Nh, Ma S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 4.040.280 đồng (Bốn triệu không trăm bốn mươi nghìn hai trăm tám mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng mỗi bị cáo phải chịu 4.240.280 đồng (Bốn triệu hai trăm bốn mươi nghìn hai trăm tám mươi đồng).

Bị cáo Hoàng Ngọc L phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.764.840 đồng (Một triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm bốn mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 1.964.840 đồng (Một triệu chín trăm sáu mươi tư nghìn tám trăm bốn mươi đồng).

Bị cáo Chảo Lầu P phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.425.440 đồng (Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm bốn mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 2.625.440 đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm bốn mươi đồng).

Bị cáo Ma D phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5.889.480 đồng (*Năm triệu tám trăm tám chín nghìn bốn trăm tám mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 6.089.480 đồng (*Sáu triệu không trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh+huyện;
- Bị cáo; Người bào chữa cho các bị cáo;
- Bị hại;
- Công an huyện Mường Khương 2;
- Thi hành án phạt tù;
- Chi cục THADS huyện Mường Khương;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ + TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lý Thị Minh Yên